TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/12/2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Tấn Sĩ
2. Bà Trần Thị Tím
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh,Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long*:** Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh ngày 24/9/1992. Địa chỉ: Ấp D, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh ngày 16/11/1991. Địa chỉ: Ấp D, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt).

Con chung của chị O và anh T: Huỳnh Lê Bảo N sinh ngày 01/01/2013 và Huỳnh Lê Phú Q sinh ngày 03/01/2015 (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều O trình bày và yêu cầu như sau:

Vào năm 2012, chị O và anh Huỳnh Văn T quen biết nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND thị T1, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (Hiện nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Thời gian chung sống thì thường xuyên cự cải nhau do bất đồng quan điểm, anh T không lo làm ăn mà còn gây ra nợ, chị O phải làm lo nuôi anh và trả nợ cho anh, chị O có khuyên, góp ý anh nhiều năm nay nhưng anh vẫn không sửa đổi, anh

chỉ hứa hẹn lần này đến lần khác. Xét thấy cuộc sống không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên chị O yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn T; Về con chung: Huỳnh Lê Bảo N sinh ngày 01/01/2013 và Huỳnh Lê Phú Q sinh ngày 03/01/2015 hiện tại chị O đang nuôi dưỡng, yêu cầu được nuôi và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi con, cấp đến khi các con tròn 18 tuổi.Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Văn T HuỳnhHuy2nhHuýn bbbbbtrình bày và có yêu cầu như sau:

Thống nhất với trình bày của chị O về thời gian đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh và chị O quen biết nhau được một thời gian, sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Về nguyên nhân mâu thuẫn trong quá trình chung sống sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, nên nay anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Lê Bảo N sinh ngày sinh 01/01/2013 và Huỳnh Lê Phú Q sinh ngày 03/01/2015 hiện tại chị O đang nuôi dưỡng.Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Huỳnh Lê Bảo N sinh ngày 01/01/2013 trình bày: Cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn.

Huỳnh Lê Phú Q sinh ngày 03/01/2015 trình bày: Cháu có nguyện vọng sống chung với cả cha và mẹ.

Tại phiên toà hôm nay, chị O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn, vì chị không còn tình cảm với anh T, chị yêu cầu nuôi 02 con chung, chị O cho rằng anh T có bệnh thận, bệnh huyết áp, chị nhận thấy anh T không có khả năng cấp dưỡng nuôi con nên chị xin rút lại không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị O không yêu cầu Toà án giải quyết. Phía anh T thừa nhận thời gian chung sống có mâu thuẫn theo như chị O trình bày, nay anh không đồng ý ly hôn, anh xin được đoàn tụ và anh hứa khắc phục sửa chữa những điều chưa làm được để lo cho vợ con, hiện tại anh đang đi làm công ty, anh có bệnh thận và huyết áp, tuy nhiên anh sẽ cố gắng cùng vợ nuôi dạy con chung. Tài sản chung, nợ chung anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Huỳnh Lê Bảo N sinh ngày 01/01/2013, Huỳnh Lê Phú Q sinh ngày 03/01/2015 cùng trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị O ly hôn anh T. Về con chung: Giao con tên Huỳnh Lê Bảo N sinh ngày 01/01/2013 và Huỳnh Lê Phú Q sinh ngày 03/01/2015 cho chị

O trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên toà chị hôm nay chị O rút lại không yêu cầu nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét đình chỉ yêu cầu của chị O theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tài sản chung, nợ chung chị O và anh T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc chị O phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị O và anh T là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung; bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về hôn nhân: Xét lời khai của chị O và anh T khi về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị Trấn T1, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị O và anh T là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của chị O xin ly hôn anh T, theo lời khai của chị O và anh T thì trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc, anh T không lo làm ăn, một mình chị O phải lo cuộc sống cho các con và phải lo cho anh T, chị O có khuyên, anh T chỉ hứa hẹn hết lần này đến lần khác nhưng không thực hiện, vì con chị cố gắng sống đến hôm nay, thời gian vợ chồng ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai, tại phiên toà hôm nay chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết xin được ly hôn.

Anh T thừa nhận thời gian chung sống anh chưa lo được cuộc sống cho vợ con theo như vợ mong muốn, anh cho rằng thời gian ly thân anh không đến thăm vợ con được do mẹ vợ ngăn cấm, xua đuổi anh. Anh có bàn bạc việc đoàn tụ nhưng chị O không chấp nhận. Nay anh yêu cầu xin được đoàn tụ để cùng chị O lo cho các con.

Tòa án xét thấy hôn nhân là tự nguyện và phải thương yêu chăm sóc nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, chị O và anh T quan điểm sống khác nhau, không có tiếng nói chung nên không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, mâu thuẫn về kinh tế ngày càng lớn, qua các lần hoà giải chị O đều yêu cầu ly hôn, mặc dù Toà án đã tạo điều kiện để vợ chồng hàng gắn xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được, tại phiên toà chị O xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Mặc khác qua xác minh của Toà án tại địa phương nơi chị O, anh T sinh sống thì xác định được chị O và anh T không chung sống với nhau, mỗi người sống một nơi, chị O thì đang sống với hai con chung. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị O và anh T là trầm trọng, cho nên Tòa cho chị O và anh T đoàn tụ thì đời sống chung hạnh phúc không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O, không chấp nhận yêu cầu

đoàn tụ của anh T là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Lê Bảo N sinh ngày 01/01/2013 và Huỳnh Lê Phú Q sinh ngày 03/01/2015 hiện tại chị O đang nuôi dưỡng.

Xét thấy con chung của chị O và anh T từ khi vợ chồng ly thân, chị O nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con cũng đã ổn định, các con vẫn khỏe mạnh bình thường và hai con có nguyện vọng sống chung với chị O vì vậy cần giao con chung cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên toà chị O rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên đình chỉ không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị O và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều O phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn anh Huỳnh Văn T.
- Về con chung: Giao con tên Huỳnh Lê Bảo N sinh ngày 01/01/2013 và Huỳnh Lê Phú Q sinh ngày 03/01/2015 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Huỳnh Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị O rút yêu cầu nên đình chỉ không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị O và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng theo biên lai thu số 0005118 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự Khu vực 13 – Vĩnh Long. Chị O đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh